

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đại học chính quy năm 2024

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024 (tuyển sinh trong cả nước), như sau:

#### I. CHỈ TIÊU VÀ NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

(chỉ tiêu có thể thay đổi theo tình hình thực tế và chất lượng thí sinh hàng năm)

| TT  | Tên ngành / chuyên ngành; trình độ đào tạo đại học    | Mã             | Khối thi | Chỉ tiêu |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------|----------|----------|
| 1.  | <b>Ngành: Biên kịch điện ảnh - truyền hình</b>        | <b>7210233</b> |          |          |
|     | - Chuyên ngành: Biên kịch điện ảnh                    | 7210233A       | S        | 15       |
|     | - Chuyên ngành: Biên tập truyền hình                  | 7210233B       | S        | 20       |
| 2.  | <b>Ngành: Đạo diễn điện ảnh, truyền hình</b>          | <b>7210235</b> |          |          |
|     | - Chuyên ngành: Đạo diễn điện ảnh                     | 7210235A       | S        | 15       |
|     | - Chuyên ngành: Đạo diễn truyền hình                  | 7210235B       | S        | 15       |
|     | - Chuyên ngành: Đạo diễn, sản xuất nội dung số        | 7210235C       | S        | 15       |
| 3.  | <b>Ngành: Quay phim</b>                               | <b>7210236</b> |          |          |
|     | - Chuyên ngành: Quay phim điện ảnh                    | 7210236A       | S        | 20       |
|     | - Chuyên ngành: Quay phim truyền hình                 | 7210236B       | S        | 15       |
| 4.  | <b>Ngành: Nhiếp ảnh</b>                               | <b>7210301</b> |          |          |
|     | - Chuyên ngành: Nhiếp ảnh nghệ thuật                  | 7210301A       | S        | 20       |
|     | - Chuyên ngành: Nhiếp ảnh báo chí                     | 7210301B       | S        | 20       |
|     | - Chuyên ngành: Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện | 7210301C       | S        | 20       |
| 5.  | <b>Ngành: Công nghệ điện ảnh, truyền hình</b>         | <b>7210302</b> |          |          |
|     | - Chuyên ngành: Công nghệ dựng phim                   | 7210302A       | S1       | 20       |
|     | - Chuyên ngành: Âm thanh điện ảnh – truyền hình       | 7210302B       | S1       | 10       |
| 6.  | <b>Ngành: Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh</b>    | <b>7210406</b> |          |          |
|     | - Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật sân khấu            | 7210406A       | S        | 10       |
|     | - Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật điện ảnh            | 7210406B       | S        | 10       |
|     | - Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình           | 7210406C       | S        | 10       |
|     | - Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa kỹ xảo                | 7210406E       | S        | 25       |
|     | - Chuyên ngành: Nghệ thuật hóa trang                  | 7210406F       | S        | 30       |
| 7.  | <b>Ngành: Đạo diễn sân khấu</b>                       | <b>7210227</b> | S        |          |
|     | - Chuyên ngành: Đạo diễn âm thanh - ánh sáng sân khấu | 7210227A       | S        | 15       |
|     | - Chuyên ngành: Đạo diễn sự kiện lễ hội               | 7210227B       | S        | 15       |
| 8.  | <b>Ngành: Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình</b>  | <b>7210234</b> | S        | 40       |
|     | - Chuyên ngành: Diễn viên nhạc kịch                   | 7210234A       | S        | 15       |
| 9.  | <b>Ngành: Diễn viên sân khấu kịch hát</b>             | <b>7210226</b> |          |          |
|     | - Chuyên ngành: Diễn viên cải lương                   | 7210226A       | S        | 10       |
|     | - Chuyên ngành: Diễn viên chèo                        | 7210226B       | S        | 15       |
|     | - Chuyên ngành: Nhạc công kịch hát dân tộc            | 7210226E       | S        | 10       |
| 10. | <b>Ngành: Biên đạo múa</b>                            | <b>7210243</b> | S        | 10       |
|     | - Chuyên ngành: Biên đạo Múa đại chúng                | 7210243A       | S        | 30       |
| 11. | <b>Ngành: Huấn luyện Múa</b>                          | <b>7210244</b> | S        | 10       |



## **II. ĐIỀU KIỆN DỰ THI**

### **2.1. Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo:**

- a) Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành;
  - Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật được dự tuyển vào các ngành thuộc nhóm ngành của ngành nghề đã tốt nghiệp trung cấp.

### **b) Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:**

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Nhà trường;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ thi tuyển theo quy định.

### **2.2. Thí sinh dự thi một số ngành/chuyên ngành đặc thù**

#### **\* Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình; Diễn viên chèo; Diễn viên cải lương.**

- Có độ tuổi từ 17 đến 22. Chiều cao tối thiểu đối với nam: 1m65; nữ: 1m55.
- Người cân đối, không có khuyết tật hình thể. Có tiếng nói tốt, không nói ngọng, nói lắp (Riêng đối với Diễn viên chèo, Diễn viên cải lương cần có giọng hát tốt).

#### **- Thí sinh nữ khi dự thi không mặc áo dài, không mặc váy và không được trang điểm.**

#### **\* Biên đạo múa, Huấn luyện múa: Đã tốt nghiệp Trung cấp Múa, Cao đẳng Múa.**

#### **\* Biên đạo múa đại chúng: Đã tốt nghiệp THPT, có năng khiếu nghệ thuật múa, có hình thể đẹp.**

## **III. QUY TRÌNH THI NĂNG KHIẾU**

- Thời gian thi: Dự kiến từ 01/7/2024 đến 07/7/2024.
- Địa điểm thi: Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.
- Thí sinh phải xét tuyển thêm điểm học bạ lớp 12 môn Ngữ văn hoặc môn Toán học theo yêu cầu của từng ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi. *Điểm các môn này phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông (điểm trung bình từ 5.0 trở lên).*
- Điểm trúng tuyển gồm 2 loại điểm:
  - + Điểm thi các môn Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2).
  - + Tổng điểm: gồm điểm Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2) cộng điểm Ngữ văn đối với khối S hoặc Toán học đối với Khối S1, cộng thêm điểm ưu tiên (nếu có) và làm tròn đến 2 số thập phân.

### **1. Đối với những ngành/chuyên ngành thi 1 vòng**

| TT | Ngành/<br>chuyên ngành         | Môn 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Môn 2                                                                                              | Môn 3<br>xét tuyển |
|----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1  | Đạo diễn, sản xuất nội dung số | Xem phim, viết bài phân tích phim (HS2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Vấn đáp: Dựng ảnh liên hoàn theo chủ đề tự chọn và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài thi (HS1) | Ngữ văn            |
| 2  | Diễn viên nhạc kịch            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hát một ca khúc tự chọn</li><li>- Thực hiện một số kỹ thuật thanh nhạc theo yêu cầu của BGK</li><li>- Nhảy, múa một bài tự chọn (không quá 2 phút)</li><li>- Thực hiện một số kỹ thuật nhảy, múa theo yêu cầu của BGK</li><li>- Kỹ thuật biểu diễn kịch nói (tiểu phẩm theo đề thi)</li><li>- Thực hiện một số yêu cầu về biểu diễn theo yêu cầu của BGK</li></ul> |                                                                                                    | Ngữ văn            |
| 3  | Diễn viên chèo                 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hát theo nhạc chuyên ngành và theo cỡ giọng quy định, kiểm tra thẩm âm, tiết tấu</li><li>- Múa các động tác theo yêu cầu của Ban Giám khảo</li><li>- Biểu diễn một tiểu phẩm sân khấu theo đề thi, không có người thứ 2 (Thời gian không quá 10 phút)</li></ul>                                                                                                    |                                                                                                    | Ngữ văn            |
| 4  | Diễn viên cải lương            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thể hiện các tình huống theo yêu cầu của Ban Giám khảo và trả lời các câu hỏi liên quan đến đề thi.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                    |                    |
| 5  | Nhạc công Kịch hát dân tộc     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Xướng âm một bản nhạc theo đề thi có sẵn.</li><li>- Diễn tấu hai bản nhạc theo yêu cầu của đề thi</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                    | Ngữ văn            |

*Thư viện*



| TT | Ngành/<br>chuyên ngành       | Môn 1                                                                                                                                                    | Môn 2                                                                                                                    | Môn 3<br>xét tuyển |
|----|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 6  | Biên đạo múa                 | Biên và trình bày một tiểu phẩm múa theo đề thi (từ 1 đến 2 phút). Tiểu phẩm không sử dụng quá 2 diễn viên và TS phải trực tiếp tham gia trình bày (HS2) | Biên bài tập huấn luyện múa cổ điển Châu Âu hoặc múa dân gian dân tộc VN theo đề thi. Thí sinh trực tiếp trình bày (HS1) | Ngữ văn            |
| 7  | Huấn luyện múa               | Biên và trình bày một tiểu phẩm múa theo đề thi (từ 1 đến 2 phút). Tiểu phẩm không sử dụng quá 2 diễn viên và TS phải trực tiếp tham gia thể hiện (HS1)  | Biên bài tập huấn luyện múa cổ điển Châu Âu hoặc múa dân gian dân tộc VN theo đề thi. Thí sinh trực tiếp trình bày (HS2) | Ngữ văn            |
| 8  | Thiết kế mỹ thuật SK, ĐA, HH | Vẽ hình họa: Vẽ mẫu chân dung thạch cao, chất liệu chì, trên giấy 40cmx60cm (HS1)                                                                        | Vẽ hội họa: Vẽ mẫu tĩnh vật hoa quả, chất liệu màu tự do, trên giấy 40cmx60cm (HS1)                                      | Ngữ văn            |
| 9  | Thiết kế đồ họa kỹ xảo       |                                                                                                                                                          |                                                                                                                          |                    |
| 10 | Nghệ thuật hóa trang         | Vẽ tạo hình hóa trang: Vẽ trên giấy có in sẵn hình mặt người, chất liệu màu tự do (HS2)                                                                  | Vấn đáp: Về tư duy nghệ thuật hóa trang (HS1)                                                                            | Ngữ văn            |

## 2. Đối với những ngành/chuyên ngành thi 2 vòng

| T<br>T | Ngành/<br>chuyên ngành                | Vòng Sơ tuyển                                                          | Vòng Chung tuyển / Hệ số điểm (HS)           |                                                                                                             |                       |
|--------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|        |                                       |                                                                        | Môn 1                                        | Môn 2                                                                                                       | Môn 3<br>xét<br>tuyển |
| 1.     | Biên kịch<br>điện ảnh                 | Thi viết kiến thức chung<br>về văn hoá xã hội và văn<br>học nghệ thuật | Viết sáng tác tiểu phẩm<br>điện ảnh (HS2)    | Vấn đáp: Khả năng sáng tác kịch<br>bản, hiểu biết về điện ảnh (HS1)                                         | Ngữ<br>văn            |
| 2.     | Biên tập<br>truyền hình               |                                                                        | Xem phim, viết bài<br>phân tích phim (HS2)   | Vấn đáp: Những hiểu biết liên<br>quan đến lĩnh vực truyền hình và<br>biên tập truyền hình (HS1)             | Ngữ<br>văn            |
| 3.     | Đạo diễn<br>điện ảnh                  |                                                                        | Xem phim, viết bài<br>phân tích phim (HS2)   | Vấn đáp: Dựng ảnh liên hoàn theo<br>chủ đề tự chọn và trả lời các câu<br>hỏi liên quan đến bài thi (HS1)    | Ngữ<br>văn            |
| 4.     | Đạo diễn<br>truyền hình               |                                                                        |                                              |                                                                                                             |                       |
| 5.     | Quay phim<br>điện ảnh                 |                                                                        | Xem phim, viết bài<br>phân tích phim (HS1)   | Vấn đáp: Phân tích ảnh theo yêu<br>cầu của đề thi (HS1)                                                     | Ngữ<br>văn            |
| 6.     | Quay phim<br>truyền hình              |                                                                        |                                              |                                                                                                             |                       |
| 7.     | Công nghệ<br>dựng phim                |                                                                        | Xem phim và viết bài<br>phân tích phim (HS1) | Vấn đáp: Dựng ảnh liên hoàn<br>theo chủ đề tự chọn và trả lời các<br>câu hỏi liên quan đến bài thi<br>(HS1) | Toán<br>học           |
| 8.     | Âm thanh<br>điện ảnh –<br>truyền hình |                                                                        | Xem phim và viết bài<br>phân tích phim (HS1) | Vấn đáp: Kiến thức cơ bản về<br>âm thanh (HS1)                                                              | Toán<br>học           |

*Uuen*



| T<br>T | Ngành/<br>chuyên ngành                       | Vòng Sơ tuyển                                                                                                                                                                                                                                 | Vòng Chung tuyển / Hệ số điểm (HS)                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                       |                       |
|--------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|        |                                              |                                                                                                                                                                                                                                               | Môn 1                                                                                                                                                                                                               | Môn 2                                                                                                                 | Môn 3<br>xét<br>tuyển |
| 9.     | Nhiếp ảnh<br>nghệ thuật                      | Thi viết kiến thức chung<br>về văn hoá xã hội và văn<br>học nghệ thuật                                                                                                                                                                        | Viết bài phân tích tác<br>phẩm nhiếp ảnh (HS1)                                                                                                                                                                      | Vấn đáp: Phân tích ảnh theo yêu<br>cầu của đề thi (HS1)                                                               | Ngữ<br>văn            |
| 10.    | Nhiếp ảnh<br>báo chí                         |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                       |                       |
| 11.    | Nhiếp ảnh<br>truyền thông đa<br>phương tiện  |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                       |                       |
| 12.    | Đạo diễn âm<br>thanh - ánh sáng<br>sân khấu  |                                                                                                                                                                                                                                               | Viết ý tưởng thiết kế<br>âm thanh, ánh sáng cho<br>một tình huống kịch<br>(HS1)                                                                                                                                     | Vấn đáp: Về tư duy đạo diễn âm<br>thanh, ánh sáng cho một chương<br>trình biểu diễn nghệ thuật sân<br>khấu (HS1)      | Ngữ<br>văn            |
| 13.    | Đạo diễn sự<br>kiện lễ hội                   |                                                                                                                                                                                                                                               | Viết đề cương một kịch<br>bản lễ hội (HS1)                                                                                                                                                                          | Vấn đáp: Về nghệ thuật dàn cảnh<br>và tổ chức phối hợp các yếu tố<br>trong lễ hội (HS1)                               | Ngữ<br>văn            |
| 14.    | Diễn viên kịch,<br>điện ảnh –<br>truyền hình | Kiểm tra hình thể và tiếng<br>nói: Thí sinh tự chuẩn bị<br>và trình bày một bài hát,<br>một bài thơ hoặc một đoạn<br>văn xuôi.<br>Tự chuẩn bị và biểu diễn<br>một tình huống kịch không<br>có nhân vật thứ 2, thời<br>gian không quá 10 phút. | - Biểu diễn một tiểu phẩm sân khấu theo đề thi, không có<br>người thứ hai. Thời gian không quá 10 phút.<br>- Thể hiện các tình huống theo yêu cầu của Ban Giám khảo<br>và trả lời các câu hỏi liên quan đến đề thi. |                                                                                                                       | Ngữ<br>văn            |
| 15.    | Biên đạo múa<br>đại chúng                    | - Kiểm tra hình thể.<br>- Thực hiện một tổ hợp<br>múa (16 nhịp) theo hướng<br>dẫn của BGK về một trong<br>3 thể loại: DGDТ, hiện đại<br>hoặc khiêu vũ quốc tế.<br>- Kiểm tra cảm xúc âm<br>nhạc.                                              | Thực hiện ba đoạn múa<br>(mỗi đoạn 16 nhịp)<br>theo hướng dẫn của<br>BGK về cả ba thể loại:<br>Dân gian dân tộc, hiện<br>đại và khiêu vũ quốc tế.<br>(HS1)                                                          | Nghe nhạc và trình bày cảm xúc<br>âm nhạc theo đề thi. Biên một<br>tiểu phẩm Múa theo âm nhạc của<br>đề thi đó. (HS2) | Ngữ<br>văn            |

#### **IV. HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ TUYỂN SINH:**

##### **1. Hồ sơ:**

a. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Túi hồ sơ đăng ký dự thi (gồm 2 phiếu: số 1 và số 2) theo mẫu của Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội phát hành. Mẫu phiếu được đăng công khai trên trang thông tin tuyển sinh của trường tại địa chỉ [www.skda.edu.vn](http://www.skda.edu.vn).

- 04 ảnh 4x6 cm và 02 phong bì đã ghi sẵn địa chỉ báo tin.

- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

**Chú ý:** Hồ sơ do trường phát hành được bán tại phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (phòng A2.103), Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội từ ngày **13/05/2024**. Trường hợp thí sinh ở xa không có điều kiện về trường mua hồ sơ, có thể in từ trên mạng 2 phiếu ĐKDT, thực hiện kê khai, xin xác nhận theo đúng yêu cầu quy định trong mẫu và gửi chuyển phát nhanh về trường trong thời hạn quy định. Khi về trường làm thủ tục dự thi sẽ thực hiện việc mua túi hồ sơ sau.

Thí sinh phải ghi rõ mã ngành/chuyên ngành (ký hiệu bằng các chữ cái A, B, C, D...) vào phía phải ô mã ngành, in trong hồ sơ đăng ký dự thi.

b. Thí sinh chỉ được chọn dự thi một ngành/chuyên ngành tại trường.

*muon*



c. Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

d. Hồ sơ đăng ký dự thi thí sinh trực tiếp nộp tại Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội hoặc có thể gửi chuyển phát nhanh về Ban thư ký tuyển sinh, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (kèm theo lệ phí).

e. Thời gian trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi tại Trường từ ngày 20/5/2024 đến hết ngày 07/6/2024. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi qua đường chuyển phát nhanh, căn cứ theo dấu bưu điện trong thời gian trên được xem là hợp lệ. (Thí sinh cần liên hệ với Ban thư ký Tuyển sinh để biết kết quả nộp hồ sơ).

- Thời gian đón tiếp thí sinh hàng ngày: Sáng: 8h30 – 11h30 Chiều: 14h00 – 17h00

(nghỉ ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ theo quy định của Nhà nước).

- Nơi nhận hồ sơ: Ban Thư ký tuyển sinh, Phòng A2.101, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, khu Văn hoá nghệ thuật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Điện thoại: 024.3834.1522

**2. Lệ phí:** Lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí dự thi áp dụng cho kỳ thi tuyển sinh năm 2024 đối với các trường năng khiếu như sau:

- Đối với ngành/chuyên ngành thi 1 vòng: Thí sinh nộp lệ phí ngay khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi

+ Lệ phí đăng ký dự thi: 200.000 VNĐ

+ Lệ phí thi: 700.000 VNĐ

- Đối với ngành/chuyên ngành thi 2 vòng: Thí sinh nộp lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí thi sơ tuyển khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi. Thí sinh đạt sơ tuyển sẽ nộp lệ phí thi chung tuyển vào ngày làm thủ tục thi chung tuyển.

+ Lệ phí đăng ký dự thi: 200.000 VNĐ

+ Lệ phí thi sơ tuyển: 400.000 VNĐ

+ Lệ phí thi chung tuyển: 600.000 VNĐ

## **V. THỜI GIAN THI TUYỂN:**

**1. Tập trung thí sinh làm thủ tục dự thi tại Trường: 8h00 ngày 01/7/2024.**

Khi đến Trường làm thủ tục dự thi, thí sinh phải mang theo Thẻ dự thi, Chứng minh thư nhân dân/CCCD.

**2. Lịch thi cụ thể của từng ngành/chuyên ngành và toàn văn Đề án tuyển sinh năm 2024 của trường** được thông báo đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Trường (<http://www.skda.edu.vn>). Lịch thi có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế

**3. Tập trung thí sinh dự thi chung tuyển (đối với ngành/chuyên ngành tổ chức thi 2 vòng) tại Trường:**

Thí sinh đạt ở vòng sơ tuyển đúng 14h00 ngày 04/7/2024 có mặt tại Trường để làm thủ tục dự thi vòng chung tuyển.

### **\* Ghi chú:**

- Đối với thí sinh đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành chỉ tổ chức thi 1 vòng: Thí sinh phải nộp học bạ THPT vào ngày tập trung thí sinh.

- Đối với thí sinh đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành tổ chức thi 2 vòng: Thí sinh phải đạt ở vòng sơ tuyển mới được dự thi vòng chung tuyển. Thí sinh nộp học bạ THPT vào ngày công bố kết quả thi sơ tuyển và làm thủ tục thi chung tuyển.

- Nếu không có học bạ THPT đối với các môn văn hóa, thí sinh dù có đạt điểm thi năng khiếu cũng không đủ điều kiện trúng tuyển.

- Đối với các thí sinh thuộc chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Thí sinh bắt buộc phải dự thi nếu đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành chỉ tổ chức thi 1 vòng.

+ Thí sinh chỉ được miễn thi vòng sơ tuyển và bắt buộc phải dự thi vòng chung tuyển nếu đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành tổ chức thi 2 vòng.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (để b/c);
- Ban Giám hiệu; Các phòng, khoa, ban;
- Lưu ĐT, QLKH&HTQT, VT, NTHH.(250).



**PGS.TS Nguyễn Đình Thi**